Chi tiết mã HS 7202.41.00

Mã HS	7202.41.00
Mô tả hàng hóa	Hợp kim fero / - Fero - crôm: / - - Có hàm lượng carbon trên 4% tính theo khối lượng
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	07/11/2026 22:58:31
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/72024100/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K10953
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N10953
Thuế GTGT (VAT)	10/8	10 / 8 (nhiều mức)	174/2025/NĐ-CP - PL1		BT2026!Q10953
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ10953
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	1	1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	3.5	3,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E10260
ATIGA	2022	2022	0	AT!E10211
ATIGA	2023	2023	0	AT!F10211
ATIGA	2024	2024	0	AT!G10211
ATIGA	2025	2025	0	AT!H10211
ATIGA	2026	2026	0	AT!I10211
ATIGA	2027	2027	0	AT!J10211
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E10263
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F10263
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G10263

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H10263
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I10263
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J10263
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E10264
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F10264
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G10264
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H10264
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I10264
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J10264
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F10265
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H10217
AIFTA	30/12/2022	2022	*	AI!F10223
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	*	AI!G10223
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	*	AI!H10223
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	*	AI!I10223
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	*	AI!J10223
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	*	AI!K10223
VKFTA	2022	2022	0	VK!E10248
VKFTA	2023	2023	0	VK!F10248
VKFTA	2024	2024	0	VK!G10248
VKFTA	2025	2025	0	VK!H10248
VKFTA	2026	2026	0	VK!I10248
VKFTA	2027	2027	0	VK!J10248
VCFTA	2022	2022	2	VC!D10301
VCFTA	2023	2023	1	VC!E10301
VCFTA	2024	2024	0	VC!F10301

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G10301
VCFTA	2026	2026	0	VC!H10301
VCFTA	2027	2027	0	VC!I10301
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D10286
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E10286
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F10286
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G10286
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H10286
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I10286
AHKFTA	2022	2022	3	AKH!D10286
AHKFTA	2023	2023	2	AKH!E10286
AHKFTA	2024	2024	2	AKH!F10286
AHKFTA	2025	2025	1	AKH!G10286
AHKFTA	2026	2026	1	AKH!H10286
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I10286
EVFTA	2022	2022	2,5	EV-NK!D10303
EVFTA	2023	2023	1,6	EV-NK!E10303
EVFTA	2024	2024	0,8	EV-NK!F10303
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G10303
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H10303
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I10303
UKVFTA	2022	2022	2,5	UKV!D10302
UKVFTA	2023	2023	1,6	UKV!E10302
UKVFTA	2024	2024	0,8	UKV!F10302
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G10302
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H10302

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I10302
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D10243
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E10243
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F10243
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G10243
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H10243
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I10243
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J10243
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D10280
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E10280
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F10280
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G10280
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H10280
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I10280
RCEP B	2022	2022	0	B!D10280
RCEP B	2023	2023	0	B!E10280
RCEP B	2024	2024	0	B!F10280
RCEP B	2025	2025	0	B!G10280
RCEP B	2026	2026	0	B!H10280
RCEP B	2027	2027	0	B!I10280
RCEP C	2022	2022	0	C!D10280
RCEP C	2023	2023	0	C!E10280
RCEP C	2024	2024	0	C!F10280
RCEP C	2025	2025	0	C!G10280
RCEP C	2026	2026	0	C!H10280
RCEP C	2027	2027	0	C!I10280

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D10279
RCEP D	2023	2023	0	D!E10279
RCEP D	2024	2024	0	D!F10279
RCEP D	2025	2025	0	D!G10279
RCEP D	2026	2026	0	D!H10279
RCEP D	2027	2027	0	D!I10279
RCEP E	2022	2022	0	E!D10283
RCEP E	2023	2023	0	E!E10283
RCEP E	2024	2024	0	E!F10283
RCEP E	2025	2025	0	E!G10283
RCEP E	2026	2026	0	E!H10283
RCEP E	2027	2027	0	E!I10283
RCEP F	2022	2022	0	F!D10280
RCEP F	2023	2023	0	F!E10280
RCEP F	2024	2024	0	F!F10280
RCEP F	2025	2025	0	F!G10280
RCEP F	2026	2026	0	F!H10280
RCEP F	2027	2027	0	F!I10280
VIFTA	2024	2024	4,5	VI!F9503
VIFTA	2025	2025	4	VI!G9503
VIFTA	2026	2026	3.5	VI!H9503
VIFTA	2027	2027	3	VI!I9503

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “10/8”. Không được giảm VAT theo 174/2025/NĐ-CP - PL1: Sản phẩm gang, sắt, thép cơ bản > Hợp kim sắt (hợp kim Fero). Gồm: Hợp kim sắt Mangan; Hợp kim sắt Silic; Hợp kim sắt Silic - Mangan; Hợp kim sắt Crôm; Hợp kim sắt Silic - Crôm; Hợp kim sắt Niken; Hợp kim sắt Molipden; Hợp kim sắt Vonfram và hợp kim Silic - Vonfram; Hợp kim sắt khác (Tham chiếu mã HS 4 số)		174/2025/NĐ-CP - PL1	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 7202.41.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 7202.41.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N10953), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.